TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 45/2023/QĐST- HNGĐ	*Bình Đại, ngày 08 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 632/2022/TLST–HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: **Trần Văn B,** sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp 2, xã BT, huyện BĐ, tỉnh BT

Bị đơn: **Nguyễn Thị Kim C,** sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp 3, xã BT, huyện BĐ, tỉnh BT

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn B và chị Nguyễn Thị Kim C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn B và chị Nguyễn Thị Kim C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim C được trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Văn P, sinh ngày 04/7/2010 và Trần Thị Kim N, sinh ngày 18/10/2012, sự thỏa thuận này phù hợp nguyện vọng cháu P và cháu N.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị C trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 116 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:* Anh Trần Văn B tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010416 ngày 23 tháng 12 năm 2022 của C cục Thi hành án dân sự huyện B Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, anh Trần Văn B được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện B Đại;
- C cục THADS huyện B Đại;
- UBND xã B Thắng (số 41 ngày 18/4/2012).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Văn Tháo